

Bản án số: 76/2020/HS-PT

Ngày: 30-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Th phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hải Vinh

- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Gia Lương
Ông Nguyễn Trung Thông

- *Thư ký phiên tòa:* Thân Thị Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Diễm Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/06/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 90/2019/TLST- HS ngày 06 tháng 04 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2020/QĐXXPT- HS ngày 25 tháng 5 năm 2020, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án HSST số 08/2020/HSST ngày 16/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y.

Bị cáo kháng cáo:

Hoàng Đình H, sinh năm 1988; tại thôn Q, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: thôn Q, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt N; Con ông: Hoàng Đình S và bà: Trần Thị G; Có vợ: Vũ Thị V và 03 con lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, Tiền sự: Chưa có; Nhân thân: Ngày 06/7/2015, bị Công an tỉnh Bắc Giang xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (không lập biên bản)

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 20/3/2018, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 26/3/2018 được hủy bỏ tạm giữ áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Chị Vũ Thị V, sinh năm 1987; Nghề nghiệp: Công nhân; Là vợ. Cư trú tại: Thôn Q, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

Trong vụ án còn có 28 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo Tòa án phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/3/2018, Trần Ngọc T, sinh năm 1977 ở tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Y nảy sinh ý định tổ chức cho mọi người đánh bạc ở tầng hầm của nhà mình, đã chuẩn bị 04 tấm thảm nỉ và 36 ghế nhựa các loại để ở dưới tầng hầm để mọi người ngồi đánh bạc. Sau đó, T bảo em ruột là Trần Ngọc T2, sinh năm 1988 và Trần Quốc T3 (Trần Ngọc T3), sinh năm 1979 ở cùng tổ dân phố đến phục vụ cho sới bạc của T, nhiệm vụ của T2 được T giao có trách nhiệm đứng ở cửa cầu thang (cửa cầu thang đi từ phòng khách xuống tầng hầm) đóng mở cửa ở khu vực cầu thang cho những người đến vào đánh bạc, còn T3 làm nhiệm vụ thu tiền hồ và làm hồ lý tại sới bạc (thu tiền của người thua trả cho người thắng); Để bảo vệ sới bạc, T thuê Trần Trung Th, sinh năm 1980 có hộ khẩu thường trú ở tổ 13, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, hiện đang ở tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Y; Trần Văn H, sinh năm 1993 ở thôn M, xã T, huyện Y làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới bên ngoài, đóng mở cửa cho những người đến vào đánh bạc với tiền công của mỗi người là 200.000 đồng trên 01 ngày công; T thuê Vũ Trí H2, sinh năm 1973 ở thôn Q, xã Q, huyện Y làm nhiệm vụ xóc cái cho mọi người đánh bạc với tiền công là 500.000 đồng trên 01 ngày công. Sau khi thống nhất và thỏa thuận, chiều ngày 19/3/2018, T3, H2, T2, H, Th đến nhà T để làm nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của T, nhưng do T không tổ chức được người đến đánh bạc nên T bảo mọi người đi về, chiều ngày 20/3/2018 đến nhà T, do sợ ngày hôm sau H2 không đến xóc cái sẽ không tổ chức được sới bạc nên T trả trước cho H2 500.000 đồng tiền công.

Khoảng 11 giờ ngày 20/3/2018, Trần Ngọc T gọi điện thoại cho H5 Đình B, sinh năm 1976 ở tổ dân phố Long Trì 2, thị trấn T, huyện Y (B là cậu họ của T) và Thân Văn Kh, sinh năm 1970 ở số 70, ngách X, ngõ Y, đường Ng, tổ 2A, phường Tr, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đến nhà T ăn cơm. Sau khi mọi người ăn cơm xong thì H2, T2, H, Th đến nhà T để làm nhiệm vụ theo sự phân công của T. Trong khoảng thời gian từ 13 giờ đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, lần lượt có Bùi Văn V, sinh năm 1976 ở thôn Đ, xã Tr, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968 và Nguyễn Văn V, sinh năm 1962 đều ở thôn Th, xã Tr, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Văn Q, sinh năm 1961 ở thôn B, xã Tr, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Ngụy Văn Đ, sinh năm 1972 ở Tổ dân phố K, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Văn N, sinh năm 1974 ở tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Ngụy Văn Ph, sinh năm 1975 ở tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Văn T, sinh năm 1996 ở thôn D, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Phạm Ngọc S, sinh năm 1987 ở thôn Ng, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; H6, sinh năm 1981 ở tổ dân phố Ph, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Ngụy Văn N, sinh năm 1977 ở thôn Th, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Trọng T, sinh năm 1981 ở số nhà 90, đường T, tổ dân phố TN, phường Tr, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Hoàng Đình M, sinh năm 1966 ở thôn Q, xã Q, huyện Y,

tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Sỹ A, sinh năm 1993 ở thôn D, xã Th, huyện L đi đến nhà T. Khoảng 14 giờ cùng ngày, T bảo mọi người đi xuống tầng hầm nhà T để đánh bạc và bảo Th làm cảnh giới, đóng mở cửa khu vực ngoài cổng, H cảnh giới, đóng mở cửa khu vực trong nhà, T2 cảnh giới, đóng mở cửa khu vực tầng hầm rồi T lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và lấy lá bài chắn cắt thành 04 quân vị đưa cho H2 để xóc cái cho mọi người đánh bạc. H2 ngồi ở vị trí đầu tấm thảm nỉ xóc cái, còn Kh, B, V, Đ, V2, Q, Đ2, N, Ph, S, N, H, M, Nguyễn Trọng T ngồi thành 2 hàng dọc bên trái và bên phải H2 để đánh bạc. Sỹ A và T không đánh bạc, nhưng T ngồi xem có ai cầm cố tài sản, vay tiền đánh bạc thì T sẽ cầm cố tài sản hoặc cho vay tiền để mọi người đánh bạc.

Cách thức đánh bạc được quy định như sau: H2 ngồi ở giữa và quy ước bên tay trái H2 là cửa lẻ, bên tay phải H2 là cửa chẵn. H2 cho 04 quân vị vào trong đĩa sứ và dùng bát sứ đập kín lại rồi xóc đều lên (gọi là xóc cái), khi xóc cái xong thì mọi người đặt tiền vào cửa chẵn hoặc cửa lẻ để đánh bạc với nhau, nếu cửa lẻ đặt nhiều tiền hơn cửa chẵn thì những người đánh bạc ở cửa lẻ yêu cầu những người ở cửa chẵn đặt thêm tiền cho bằng tiền với cửa lẻ, nếu không ai đặt thêm tiền thì những người ở cửa chẵn yêu cầu những người ở cửa lẻ rút bớt tiền về cho bằng tiền với cửa chẵn, hoặc ngược lại nếu cửa chẵn đặt nhiều tiền hơn cửa lẻ thì cũng tương tự như trên. Sau khi mọi người đặt tiền ở cửa chẵn hoặc cửa lẻ xong thì H2 mở bát sứ nếu trong 4 quân vị có 02 quân hoặc 04 quân cùng màu thì gọi là chẵn, nếu 3 quân cùng màu, 01 quân khác màu thì gọi là lẻ. Căn cứ vào kết quả đó, nếu là lẻ thì người đặt tiền ở cửa lẻ được tiền của người đặt cửa chẵn, người đặt tiền ở cửa chẵn sẽ mất số tiền đặt cược; nếu là chẵn thì người đặt tiền ở cửa chẵn được tiền của người đặt cửa lẻ, người đặt tiền ở cửa lẻ sẽ mất số tiền đặt cược. M có lấy 01 tờ giấy A4, kẻ vẽ thành 4 ô, ở ô thứ nhất M ghi chữ “ngựa tư”, ô thứ 2 ghi chữ “sấp 4”, ô thứ 3 ghi chữ sấp 1”, ô thứ tư ghi chữ “sấp 3” để làm bảng vị cho người chơi bảng vị đặt cược so với 4 quân vị khi mở bát, người nào đặt cược đúng ô chữ so với đúng quân vị khi mở bát sẽ được tiền đặt cược, người nào đặt không đúng ô chữ so với 4 quân vị khi mở bát sẽ thua và mất số tiền đặt cược cho M.

Trong khi mọi người đánh bạc thì lần lượt có Hoàng Đình H, sinh năm 1988; Hoàng Đình H, sinh năm 1993 và Hoàng Đình T, sinh năm 1968 đều ở thôn Q, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Hoàng Văn S, sinh năm 1971 ở thôn V, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Văn B, sinh năm 1976 ở thôn Th, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Văn H4, sinh năm 1970 ở tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Tạ Văn Q, sinh năm 1983 ở thôn M, xã Tr, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Trịnh Xuân H5, sinh năm 1982 ở số R, đường Th, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và Phạm Văn G, sinh năm 1976 ở thôn Ng, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đến nhà T vào tham gia đánh bạc. Do lúc này Trần Quốc T3 chưa đến nên T bảo mọi người nộp tiền hồ từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng thì V, N Ph, V2, Q, N, H, Nguyễn Trọng T, Kh, M, Hoàng Đình T mỗi người đã bỏ ra 300.000 đồng; G và Trịnh Xuân H5 mỗi người bỏ ra 200.000 đồng để ở dưới nỉ sau đó T bảo B lấy số tiền hồ thu được đưa cho T thì B cầm

đếm được 3.700.000 đồng để vào hòm tôn gần đó và T đã cầm số tiền này cất giấu vào túi quần cùng lúc đó T3 đến làm hồ lý theo sự phân công của T, còn B vào tham gia đánh bạc; Trong khi đánh bạc, do bị thua bạc nên H4 đã vay của T 10.000.000 đồng, Kh, B, V, Đ, V, Q, Đ, N, Ph, S, N, H, M, Nguyễn Trọng T, Hoàng Đình H, H, T, S, B, H, Q, Trịnh Xuân H5 và G đánh bạc đến 14 giờ 50 phút cùng ngày thì bị phòng Hình sự Công an tỉnh Bắc Giang phát hiện đến vây bắt quả tang. Trần Trung Th cảnh giới ở ngoài cổng đã bỏ chạy trốn thoát.

Tang vật thu giữ:

Thu trên chiếu bạc: 01 tấm kẻ ô màu đỏ, mặt sau màu đen, kích thước (2 x 4) mét; 02 tấm màu đỏ, kích thước khoảng (1,9 x 2,3) mét; 01 tấm nỉ có hoa văn màu đỏ rộng (1,7 x 2,2)m; 01 chiếc điện thoại Nokia vỏ màu đen IMEI: 354481093415937 và 354481098415932; 01 chiếc điện thoại di động Nokia vỏ màu xanh trắng; 01 điện thoại di động Iphone màu đen, số Model sau thân máy: A1779; 01 điện thoại di động Iphone màu đen bạc có số Model sau thân máy: A1688; 01 điện thoại di động Iphone màu vàng trắng số IMEI sau thân máy: 352005069838426; 04 mảnh đĩa sứ màu trắng; 09 mảnh bát sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn; 36 ghế nhựa các loại trong đó có 10 ghế nhựa loại ghế có dựa lưng và tổng số 14.555.000 đồng (BL 452-459).

Tạm giữ trên người của các đối tượng 456.835.000 đồng, 19 chiếc xe mô tô, 01 xe ô tô và 26 chiếc điện thoại di động các loại gồm:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Pagio, màu đỏ, BKS: 98B3 - 025.81; 01 xe mô tô nhãn hiệu SH, màu đen, BKS: 98B2 - 689.87; 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Smash, BKS: 98M3 - 6365, số máy F432 - VU221592, số khung RLSBE492060221592 và 2.590.000 đồng của Trần Ngọc T.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave, BKS: 98N6 - 5544; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar, màu đồng, số Imei 1: 352248121315294, Imei 2: 352248121315294 và 2.500.000 đồng của Vũ Trí H2.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, BKS: 98B2 - 919.67 và 5.885.000đ của Trần Quốc T3.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số Imei 1: 867496027587874, Imei 2: 867496027587866 và 40.000 đồng của Trần Văn H

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đồng, số Imei 353257072098162 của Bùi Văn V.

+ 350.000 đồng của Hoàng Đình H.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Japan Motar, BKS: 60M5 - 2000; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu bạc nền xanh, số seri: 357657018510947 và 7.700.000đ của Hoàng Đình H

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, BKS: 98B2 - 582.61; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4s, màu đen, số Imei 013208002839342 và 3.900.000đ của Hoàng Văn S

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airbale, BKS: 98B2 - 179.17; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số Imei 1: 862472038402077, Imei 2: 862472038402069 và 7.750.000đ của Ngụy Văn Đ.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, số Imei 1: 357766079335753/01, Imei 2: 357767079335751/01 và 800.000 đồng của Nguyễn Văn N.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số Imei 355428070763986 và 19.370.000đ của Ngụy Văn Ph

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 98Y2 - 3812; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số Imei 013966006951914 và 3.000.000đ của Nguyễn Văn B.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại Vios, màu đen, BKS: 98A - 088.24; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S8, màu đen, số Imei 1: 352711092260740/01, Imei 2: 352712092260748/01 và 18.200.000đ của Nguyễn Văn Đ

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 98B1 - 045.15; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone số Imei 352028071667211 và 11.100.000đ của Nguyễn Văn H4.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, màu đen viền đỏ, số Imei 1: 357492061396055, Imei 2: 357492061396063 và 1.600.000đ của Nguyễn Văn Q.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, số 35534508095959018; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 98B2 - 615.86 và 3.500.000đ của Nguyễn Văn T.

+ 6.300.000đ của Nguyễn Văn V.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Attila, màu trắng xám, BKS: 98B1 - 069.88; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số 013336008080346; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Asus, màu đen, số Imei 1: 355545062542043, Imei 2: 355545062542050 và 400.000đ của Phạm Ngọc S.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS: 98N6 - 0017; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đồng, số Imei 1: 352462076963715/01, Imei 2: 352463076963713/01 và 16.000.000đ của Tạ Văn Q.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2, số Imei 1: 3541110522451504, Imei 2: 354111052451512 và 20.100.000đ của Trịnh Xuân H5.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 98B1 - 709.48; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, số Imei 1: 359601083694887/01, Imei 2: 359602083694885/01 của Ngụy Văn N.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3310, màu đen, số Imei 1: 357300087080647, Imei 2: 357300087080654 và 163.100.000đ của H6.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đỏ và 10.000.000đ của Nguyễn Trọng T.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen số 355343089179050 và 14.500.000đ của Thân Văn Kh.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đen bạc, BKS: 98N6 - 3905; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen trắng, số sê ri: 356269010107663 và 56.000.000đ của Hoàng Đình M.

+ 01 điện thoại di động Iphone màu đen, số Model sau thân máy: A1779; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS: 98B1 - 967.82 và 18.200.000đ của Hoàng Đình T.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS: 98B1 - 649.28; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số Imei 1: 867675031497630, Imei 2: 867675031497622 và số tiền 6.550.000đ của Phạm Văn G.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đen bạc, BKS: 98B3 - 111.05; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, số Imei 1: 352158092142652/01, Imei 2: 352159092142650/01 và 24.100.000đ của H5 Đình B.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu SH, màu đen, BKS: 98B2 - 815.55; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen và 33.300.000đ của Nguyễn Sỹ A (BL 460-464).

Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang khám xét khẩn cấp nhà và nơi ở của Trần Ngọc T thu giữ:

+ 01 dao quắm cán gỗ; 01 dao kim loại; 04 quân vị màu đỏ đen trắng; 01 bát sứ màu trắng; 01 kéo chuôi màu đen; 20 lá bài chắn.

+ 01 điện thoại di động Iphone màu đen có số Model: A1778FCCIDBCG - E3091A (Không xác định được chủ sở hữu).

Ngày 04/4/2018, Trần Trung Th đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú, cơ quan điều tra đã thu giữ của Th 01 chứng minh nhân dân số 040282354 mang tên Trần Trung Th.

Về số tiền đánh bạc bị can và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khai nhận:

Bùi Văn V khai có 2.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, bị thua bạc, Việt đã nộp 300.000 đồng tiền hồ.

Hoàng Đình H khai có 2.850.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang H5 bị thua bạc 2.500.000 đồng, bị thu giữ 350.000 đồng là tiền đánh bạc, H5 chưa nộp tiền hồ.

Hoàng Đình H khai có 3.700.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang Hướng thắng bạc được 4.000.000 đồng. Tổng số tiền Hướng bị tạm giữ 7.700.000 đồng là tiền đánh bạc, Hướng chưa nộp tiền hồ.

Hoàng Văn S khai có 5.000.000 đồng dùng trả nợ cho T 2.000.000 đồng, còn 3.000.000 đồng sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang Sơn thắng bạc được 900.000 đồng. Tổng số tiền Sơn bị tạm giữ 3.900.000 đồng là tiền đánh bạc, Sơn chưa nộp tiền hồ.

Nguy Văn Đ khai có 7.950.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, còn 6.950.000 đồng không sử dụng vào việc đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, Đ bị thua bạc 200.000 đồng. Tổng số tiền Đ bị tạm giữ 7.750.000 đồng có 800.000 đồng là tiền đánh bạc còn 6.900.000 đồng không sử dụng đánh bạc, Đ chưa nộp tiền hồ.

Nguyễn Văn N khai có 5.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, N bị thua bạc 4.200.000 đồng, bị tạm giữ 800.000 đồng là tiền đánh bạc, N đã nộp 300.000 đồng tiền hồ.

Nguyễn Văn Ph khai có 16.070.000 đồng, sử dụng 1.200.000 đồng đánh bạc, còn 14.870.000 đồng không sử dụng vào việc đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, Ph thắng bạc được 3.300.000 đồng, số tiền bị tạm giữ 19.370.000 đồng, trong đó có 4.500.000 đồng là tiền đánh bạc còn 14.870.000 đồng không sử dụng đánh bạc, Ph đã nộp 300.000 đồng tiền hồ.

Nguyễn Văn B khai có 3.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, B không thắng, không thua, số tiền bị tạm giữ 3.000.000 đồng là tiền đánh bạc, B chưa nộp tiền hồ.

Nguyễn Văn Đ khai có 20.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng đánh bạc, còn 18.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, Đ bị thua bạc 1.800.000 đồng, số tiền bị tạm giữ 18.200.000 đồng, trong đó có 200.000 đồng là tiền đánh bạc, còn 18.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc, Đ chưa nộp tiền hồ.

Nguyễn Văn H4 khai có 7.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng đánh bạc, còn 5.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi bị thua bạc H4 không sử dụng 5.000.000 đồng để đánh bạc tiếp mà vay của Nguyễn Văn T 10.000.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, còn 9.000.000 đồng H4 không sử dụng đánh bạc mà cất vào cùng số tiền 5.000.000 đồng để đi trả nợ. Khi công an vào bắt quả tang, H4 bỏ chạy và bị rơi mất 3.900.000 đồng, bị tạm giữ 11.100.000 đồng là tiền không sử dụng đánh bạc. Tổng số tiền H4 sử dụng đánh bạc là 3.000.000 đồng, H4 chưa nộp tiền hồ.

Nguyễn Văn Q khai có 1.600.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, Q không thắng, không thua, bị tạm giữ 1.600.000 đồng là tiền đánh bạc, Q chưa nộp tiền hồ.

Nguyễn Văn V khai có 7.100.000 đồng, sử dụng 2.100.000 đồng đánh bạc, còn 5.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, V bị thua bạc 800.000 đồng, số tiền bị tạm giữ 6.300.000 đồng, trong đó có 1.300.000 đồng là tiền đánh bạc, còn 5.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc, V nộp 300.000 đồng tiền hồ.

Phạm Ngọc S khai có 400.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, S không thắng, không thua, bị tạm giữ 400.000 đồng là tiền đánh bạc, S chưa nộp tiền hồ.

Tạ Văn Q có 3.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, Q thắng bạc được 13.000.000 đồng, bị tạm giữ 16.000.000 đồng là tiền đánh bạc, Q đã nộp 300.000 đồng tiền hồ.

Trịnh Xuân H5 khai có 20.700.000 đồng, sử dụng 700.000 đồng đánh bạc, còn 20.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, H5 bị thua bạc 600.000 đồng, bị tạm giữ 20.100.000 đồng, trong đó có 100.000 đồng là tiền

đánh bạc còn 20.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc, H5 đã nộp 200.000 đồng tiền hồ.

Nguyễn Văn N khai có 10.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, N để tiền dưới chiếu bạc và bị thu giữ nên không rõ thắng thua, N không bị thu giữ tiền, N đã nộp 300.000 đồng tiền hồ.

H6 có 102.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng đánh bạc, còn 100.000.000 đồng là tiền vợ đưa cho để đi trả nợ nên không sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, H6 bỏ chạy và nhặt tiền dưới chiếu bạc do các đối tượng bỏ chạy làm tung tóe tiền ra ngoài là 63.100.000 đồng, tổng số tiền bị tạm giữ 163.100.000 đồng, trong đó có 63.100.000 đồng là tiền các đối tượng đánh bạc để dưới chiếu bạc, còn 100.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc, H6 đã nộp 300.000 đồng tiền hồ.

Nguyễn Trọng T khai có 10.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng đánh bạc, còn 8.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, T không thắng, không thua, bị tạm giữ 10.000.000 đồng, trong đó có 2.000.000 đồng là tiền đánh bạc còn 8.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi đánh bạc, T nộp 300.000 đồng tiền hồ.

Thân Văn Kh khai có 19.500.000 đồng, sử dụng 5.000.000 đồng đánh bạc, còn 14.500.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, Kh bị thua bạc 5.000.000 đồng, số tiền bị tạm giữ 14.500.000 đồng là tiền không sử dụng đánh bạc, Kh đã nộp 300.000 đồng tiền hồ.

Hoàng Đình M khai có 40.000.000 đồng, sử dụng 5.000.000 đồng đánh bạc, còn 35.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, M thắng bạc được 1.300.000 đồng, khi bỏ chạy nhặt được 15.000.000 đồng tiền dưới chiếu bạc do mọi người bỏ chạy đã làm tung tóe tiền ở dưới đất. Tổng số tiền bị tạm giữ 56.000.000 đồng, trong đó có 21.000.000 đồng là tiền đánh bạc và của các đối tượng sử dụng đánh bạc làm rơi, còn 35.000.000 đồng là tiền không sử dụng đánh bạc, M đã nộp 300.000 đồng tiền hồ.

Hoàng Đình T khai có 21.000.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, còn 20.500.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, T bị thua bạc 500.000 đồng, số tiền còn lại T cầm chạy vào nhà vệ sinh, khi cầm tiền để gần ô thoáng nhà vệ sinh đã bị rơi ra ngoài 2.300.000 đồng. Bị tạm giữ 18.200.000 đồng là tiền không sử dụng đánh bạc, T đã nộp 300.000 đồng tiền hồ.

Phạm Văn G khai có 3.500.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, G bị thua bạc 700.000 đồng và bỏ chạy thì nhặt được 3.750.000 đồng tiền ở dưới chiếu bạc do mọi người bỏ chạy làm tung tóe dưới đất, số tiền bị tạm giữ 6.550.000 đồng là tiền đánh bạc và tiền của các đối tượng sử dụng đánh bạc, G đã nộp 200.000 đồng tiền hồ.

H5 Đình B khai có 30.000.000 đồng, sử dụng 6.000.000 đồng để đánh bạc, còn 24.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang, B bị thua

bạc 5.900.000 đồng, bị tạm giữ 24.100.000 đồng, trong đó có 100.000 đồng là tiền đánh bạc còn 24.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc, B chưa nộp tiền hồ.

Nguyễn Văn T không đánh bạc nhưng đến nhà Trần Ngọc T với mục đích xem có ai trong số bạc có nhu cầu cầm cố tài sản hoặc vay tiền để đánh bạc thì T sẽ nhận cầm cố và cho vay tiền. Khi đến nhà T, T có 11.500.000 đồng. Hoàng Văn S trả nợ cho T 2.000.000 đồng, tổng số tiền T có là 13.500.000 đồng. Quá trình các đối tượng đánh bạc thì T có cho Nguyễn Văn H4 vay 10.000.000 đồng để H4 đánh bạc. Khi công an bắt quả tang, T bị tạm giữ 3.500.000 đồng, T không phải nộp tiền hồ.

Trần Ngọc T khai, ngày 19/3/2018, do có ý định tổ chức đánh bạc tại nhà ở của mình nên T đã nhờ T2 làm cảnh giới khu vực tầng hầm, đóng mở cửa ở khu vực tầng hầm cho khách vào đánh bạc; T3 làm hồ lý, thuê H2 làm xóc cái, H và Th làm cảnh giới, đóng mở cửa ở khu vực ngoài cổng và khu vực cửa trong nhà cho khách vào đánh bạc. Chiều ngày 19/3/2018, H2, Th, H, T2, T3 đến làm nhiệm vụ theo sự phân công của T nhưng do ngày này T chưa tổ chức được người đến đánh bạc nên chiều ngày 20/3/2018 T mới tổ chức được người đến đánh bạc thì bị bắt quả tang. Về số tiền hồ thu được, khi Công an vào bắt quả tang T đã làm rơi mất.

Vũ Trí H2, Trần Quốc T3, Trần Ngọc T2, Trần Văn H, Trần Trung Th đều khai nhận cùng T tổ chức đánh bạc cho các đối tượng như T khai;

Như vậy, tổng số tiền Bùi Văn V, Hoàng Đình H, Hoàng Văn S, Ngụy Văn Đ, Nguyễn Văn N, Ngụy Văn Ph, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn Q, Hoàng Đình H, Nguyễn Văn V, Phạm Ngọc S, Tạ Văn Q, Trịnh Xuân H5, Ngụy Văn N, H6, Nguyễn Trọng T, Thân Văn Kh, Hoàng Đình M, Hoàng Đình T, Phạm Văn G, H5 Đình B sử dụng đánh bạc là 149.455.000 đồng (gồm 14.555.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang; 350.000 đồng của Hoàng Đình H; 7.700.000 đồng của Hương; 3.900.000 đồng của Sơn; 800.000 đồng trong tổng số 7.750.000 đồng thu giữ của Đ; 800.000 đồng thu giữ của N; 4.500.000 đồng trong tổng số 19.370.000 đồng thu giữ của Ph; 3.000.000 đồng thu giữ của B; 200.000 đồng trong tổng số 18.200.000 đồng thu giữ của Đ; 1.600.000 đồng thu giữ của Q; 1.300.000 đồng trong tổng số 6.300.000 đồng thu giữ của V; 400.000 đồng thu giữ của S; 16.000.000 đồng thu giữ của Q; 100.000 đồng trong tổng số 20.100.000 đồng thu giữ của Trịnh Xuân H5; 63.100.000 đồng trong tổng số 163.100.000 đồng thu giữ của H6; 2.000.000 đồng trong tổng số 10.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn Trọng T; 21.000.000 đồng trong tổng số 56.000.000 đồng thu giữ của M; 6.550.000 đồng thu giữ của G; 100.000 đồng trong tổng số 24.100.000 đồng thu giữ của B; 1.500.000 đồng trong tổng số 3.500.000 đồng thu giữ của T).

Cáo trạng số 05/CT- VKSYD ngày 08 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố Hoàng Đình H về tội đánh bạc theo điểm b khoản 2 Điều 321 của B luật hình sự.

Với nội dung như trên, bản án hình sự số 08/2020/HS-ST ngày 16/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang quyết định: Tuyên bố bị cáo Hoàng Đình

H phạm tội “*Đánh bạc*”. Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 321, Điểm q Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của B luật hình sự. Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của B luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 331; 332, 333; 336, 337 B luật tố tụng hình sự. *Xử phạt*: Bị cáo Hoàng Đình H 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/3/2018 đến ngày 26/3/2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Án xử xong, ngày 06/03/2020, bị cáo Hoàng Đình H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Lý do: Bị cáo xin khai báo thành khẩn hành vi phạm tội, bị cáo chấp hành tốt các quy định của địa phương, hiện đang bị bệnh động kinh giật trên đầu xương, phải mua thuốc uống. Bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng.

Đại diện hợp pháp cho bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chữa bệnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang thực hiện quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá hành vi phạm tội cùng nhân thân của bị cáo đã đề nghị HĐXX: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo H5, giữ nguyên mức hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: đơn kháng cáo của bị cáo đã được làm trong thời gian kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân thành phố B theo đúng quy định tại Điều 331, 332, 333 B luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Đình H thì thấy:

Khoảng 14 giờ ngày 20/3/2018, tại nhà anh Trần Ngọc T, sinh năm 1977, ở tổ dân phố H, thị trấn T huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Hoàng Đình H có hành vi sử dụng số tiền 2.850.000đ cùng những người gồm: Bùi Văn V, Hoàng Đình H, Hoàng Văn S, Ngụy Văn Đ, Nguyễn Văn N, Ngụy Văn Ph, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn V, Phạm Ngọc S, Tạ Văn Q, Trịnh Xuân H5, Ngụy Văn N, H6, Nguyễn Trọng T, Thân Văn Kh, Hoàng Đình M, Hoàng Đình T, Phạm Văn G và H5

Đình B đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa, mức độ sát phạt thấp nhất 100.000đ, cao nhất 1.500.000đ. Các đối tượng đánh bạc đến hồi 14 giờ 50 phút cùng ngày thì bị Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang. Tang vật thu giữ tại chiếu bạc là 14.555.000 đồng, 04 tấm thảm, 36 ghế nhựa, 04 mảnh đĩa sứ màu trắng; 09 mảnh bát sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn và một số vật chứng khác; Thu trên người các bị cáo 134.900.000 đồng tiền đánh bạc. Quá trình điều tra xác định tổng số tiền Hoàng Đình H cùng các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 149.455.000đ. Hoàng Đình H có dấu hiệu của bệnh động kinh, Cơ quan điều tra ra quyết định trung cầu giám định tâm thần. Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 356/BBGĐTC ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: “ *Trước, trong khi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Hoàng Đình H bị bệnh Động kinh toàn thể cơn lớn. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 bệnh có mã số G40.6. Tại thời điểm trên bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi*”.

Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo điểm b Khoản 2 Điều 321BLHS, án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo như vậy là đúng người đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Hoàng Đình H thấy:

Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Án sơ thẩm căn cứ tính chất hành vi phạm tội vai trò tham gia, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân xử phạt bị cáo H5 3 năm tù là có căn cứ, bởi hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì vụ lợi tụ tập đông người, tổ chức đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, gây mất trật tự trị an xã hội của địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Về kháng cáo xin hưởng án treo, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải. Do vậy cần áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo bị bệnh động kinh, nhân thức hạn chế, hiện đang phải uống thuốc điều trị, co giật, đau xương. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có 3 con nhỏ, có ông nội là người có công với cách mạng. HĐXX thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, quy định tại điều 51 BLHS. Số tiền bị cáo sử dụng đánh bạc ít hơn các bị cáo khác, tại cấp phúc thẩm bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới, có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Do vậy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt, chuyển cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Bắc Giang cũng đủ điều kiện để giáo dục cải tạo bị cáo thành người tốt.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 B luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo H5, sửa án sơ thẩm.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS; điểm d, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] Xử phạt:

Bị cáo Hoàng Đình H 3 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 5 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Đình H cho UBND xã Q huyện Y giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật THAHS, trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật THAHS 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Vinh